

KIẾN NGHỊ HOÀN THIỆN QUY ĐỊNH CỦA BỘ LUẬT HÌNH SỰ VỀ CÁC TỘI XÂM PHẠM HOẠT ĐỘNG TƯ PHÁP

TRẦN ĐÌNH HẢI* – PHAN DIỆU LINH**

Bộ luật Hình sự năm 2015 đã sửa đổi, bổ sung nhiều quy định về các tội xâm phạm hoạt động tư pháp, cơ bản bảo đảm tính thống nhất, đồng thời thể chế hóa đầy đủ các quan điểm, chủ trương, chính sách, đường lối của Đảng, bám sát những quy định mới trong các văn bản pháp luật có liên quan, bảo đảm sự phù hợp với quy định của Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên. Tuy nhiên, thực tế tình hình tội phạm này còn diễn biến phức tạp, việc tổ chức thi hành còn những hạn chế nhất định, dẫn đến số lượng tội phạm bị khởi tố chưa nhiều. Một trong những nguyên nhân chính dẫn đến thực trạng này là quy định của Luật hình sự về tên tội danh và các tình tiết định tội còn chưa rõ ràng. Bài viết chỉ ra một số bất cập trong Bộ luật Hình sự về các tội xâm phạm hoạt động tư pháp và kiến nghị hoàn thiện.

Từ khóa: Tội xâm phạm hoạt động tư pháp, pháp luật hình sự, Bộ luật Hình sự

Ngày nhận bài: 10/3/2023; Biên tập xong: 16/5/2023; Duyệt đăng: 23/5/2023

RECOMMENDATIONS TO IMPROVE THE 2015 PENAL CODE ON OFFENCES AGAINST JUDICIAL ACTIVITIES

The 2015 Penal Code has amended and supplemented many provisions on offences against judicial activities to basically ensure the consistency and fully institutionalizes the Party's policies and guidelines. It also closely follows new regulations in relevant legal documents, ensures conformity with provisions of international treaties to which Vietnam is a signatory. However, these offences have been witnessed complicated situation and limitations in enforcement that leads to a small number of criminals being prosecuted. One of the reasons is unclear regulations in its name and determining circumstances. Therefore, the article points out some inadequacies in the Penal Code on offences against judicial activities and proposes improvement.

Keywords: Offences against judicial activities, criminal law, the Penal Code

Received: Mar 10th, 2023; Editing completed: May 16th, 2023; Accepted for publication: May 23th, 2023

1. Hạn chế trong quy định tên một số tội danh và đề xuất sửa đổi

Thứ nhất, về tội danh “Không truy cứu trách nhiệm hình sự người có tội” tại Điều 369 Bộ luật Hình sự (BLHS) năm 2015. Tác giả nhận thấy tên tội danh này còn một số bất cập như sau: *Một là*, tên này chưa chỉ rõ hành vi phạm tội phải diễn ra ở giai đoạn trước khi xét xử, bởi nếu xảy ra ở giai đoạn này thì hành vi thỏa mãn tội “ra bản án trái pháp luật, ra quyết định trái pháp luật”. *Hai là*, một người được coi là không bị truy cứu trách nhiệm hình sự (TNHS) chỉ đúng nếu vụ án không được khởi tố, điều đó cũng có nghĩa không thể có việc điều tra, truy tố tiếp theo. Việc vụ án phải

dừng lại vì một lý do nào đó khiến cho một người không phải chịu TNHS không đồng nghĩa với việc họ chưa từng bị truy cứu TNHS. *Ba là*, trách nhiệm của cơ quan tiến hành tố tụng là phát hiện, xử lý hành vi phạm tội và tội phạm. Vì vậy, cần đưa yếu tố “tội phạm” vào tên điều luật, hàm chứa nội dung quy định nhiệm vụ của các cơ quan nêu trên là không những không được bỏ lọt người phạm tội mà còn không được

* Email: Trandinhhai136@gmail.com

Thạc sĩ, Kiểm sát viên trung cấp, Vụ 2, Viện kiểm sát nhân dân tối cao

** Email: Phanlinhdhks@gmail.com

Thạc sĩ, Giảng viên Khoa Tội phạm học và Điều tra tội phạm, Trường Đại học Kiểm sát Hà Nội

bỏ lọt tội phạm. *Bốn là*, cần đưa nội dung “trong hoạt động tiếp nhận, giải quyết nguồn tin về tội phạm” vào tên điều luật bởi đây sẽ là căn cứ đầy đủ hơn để xử lý triệt để những hành vi cố ý không truy cứu TNHS người phạm tội trong giai đoạn này. Ngoài ra, bản chất của việc không truy cứu TNHS người có tội là hành vi bỏ lọt người phạm tội; do đó, cần có sự chỉnh sửa câu từ trong điều luật để bảo đảm logic, dễ hiểu, thuận tiện hơn trong việc áp dụng.

Từ những phân tích trên, tác giả kiến nghị sửa tên điều luật “Không truy cứu trách nhiệm hình sự người có tội” thành tội *“Bỏ lọt tội phạm, người phạm tội trong hoạt động giải quyết nguồn tin về tội phạm, điều tra, truy tố”*.

Thứ hai, về tội danh “Bức cung” tại Điều 374 BLHS năm 2015. Tên tội danh như hiện tại sẽ dễ gây nhầm lẫn rằng đối tượng tác động của tội phạm chỉ là người bị buộc tội (ví dụ người bị tố giác, người bị tạm giữ, bị can...) mà không bao gồm các đối tượng khác như người làm chứng, người bị hại... Do đó, tên điều luật hiện tại chưa phản ánh hết nội hàm bên trong của điều luật này.

Tác giả kiến nghị đổi tên tội danh “Bức cung” tại Điều 374 thành *“Ép buộc người khác khai báo”* hoặc tội *“Bức cung hoặc ép buộc người khác khai báo”* để bao quát hết đối tượng tác động của tội phạm.

2. Hạn chế trong quy định các tình tiết định tội và đề xuất sửa đổi

Thứ nhất, khoản 1 Điều 369 BLHS năm 2015 quy định về tội “Không truy cứu trách nhiệm hình sự người có tội” nêu *“Người nào có thẩm quyền mà không truy cứu trách nhiệm hình sự người mà mình biết rõ là có tội, thì bị phạt...”*. Quy định này bộc lộ một số bất cập như sau: 1) Chưa đề cao trách nhiệm của cán bộ cơ quan tư pháp trong việc chống bỏ lọt tội phạm; 2) Dễ gây nhầm lẫn người thực hành của tội phạm này bao gồm cả Thẩm phán, Hội

thẩm (các chủ thể này nếu phạm tội sẽ bị truy cứu về tội ra bản án hoặc ra quyết định trái pháp luật); 3) Không xác định rõ phạm vi hoạt động tư pháp thuộc đối tượng điều chỉnh của điều luật (phạm tội trong quá trình giải quyết nguồn tin về tội phạm, điều tra, truy tố vụ việc khác), dễ gây nhầm lẫn với các tội danh xảy ra trong giai đoạn xét xử. 4) Dễ bỏ sót chủ thể là người thực hành của tội phạm do thường bị nhầm lẫn người có thẩm quyền, đồng thời là người thực hành phải là thủ trưởng, phó thủ trưởng của cơ quan tố tụng, thi hành án - những người có thẩm quyền ký các quyết định tố tụng quan trọng ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả giải quyết vụ án. Trong khi đó, người thực hành trong vụ án không chỉ là lãnh đạo cơ quan tiến hành tố tụng, mà còn có thể là nhân viên cấp dưới được phân công tiến hành hoạt động khởi tố, điều tra, truy tố.

Do đó, nhóm tác giả đề xuất sửa cụm từ *“thẩm quyền”* thành *“thẩm quyền và trách nhiệm trong việc giải quyết nguồn tin về tội phạm, điều tra, truy tố”* tại khoản 1 Điều 369 BLHS năm 2015. Khi đó, điều luật sẽ trở thành *“Người nào có thẩm quyền và trách nhiệm trong việc tiếp nhận, giải quyết nguồn tin về tội phạm, điều tra, truy tố mà không truy cứu trách nhiệm hình sự người mà mình biết rõ là phạm tội thì...”*

Thứ hai, một số điều luật của BLHS năm 2015 quy định tình tiết định tội là “biết rõ là không có tội”, “biết rõ là có tội” (Điều 368, 369...). Điều này dẫn đến khó chứng minh trong thực tế, thậm chí trong những năm gần đây chưa tiến hành khởi tố được vụ án nào. Vì vậy, để thuận lợi trong quá trình áp dụng liên ngành, Trung ương cần ban hành hướng dẫn cụ thể. Bên cạnh đó, cụm từ *“mà mình biết rõ là có tội”* cũng chưa thực sự chính xác về mặt pháp lý, bởi một người bị xem là “có tội” là đã bị tòa án tuyên bằng bản án có hiệu lực pháp luật.

Để giải quyết bất cập trên, cần hướng dẫn cụ thể tình tiết “biết rõ...” tức là có

căn cứ chứng tỏ người phạm tội phải nhận thức rõ người mà mình truy cứu TNHS là không có tội/có tội (có thể đấu tranh thông qua kết quả giải quyết, tham gia họp, trả lời hình thức, chỉ đạo cấp dưới,... các vụ án nội dung, tính chất tương tự; thu thập được dự thảo báo cáo đề xuất, dự thảo các quyết định tố tụng có nội dung ngược lại; lời khai của người làm chứng và những chứng cứ khác..., nếu do trình độ nghiệp vụ non kém hoặc vì lý do khách quan khác thì không phạm các tội này). Đồng thời, cần sửa cụm từ “*mà mình biết rõ là có tội*” thành “*mà mình biết rõ là phạm tội*” (trong Điều 368, 369...) để tránh nhầm lẫn.

Thứ ba, Điều 370 BLHS năm 2015 quy định về tội “Ra bản án trái pháp luật, ra quyết định trái pháp luật” mô tả hành vi khách quan “Thẩm phán, Hội thẩm nào ra bản án trái pháp luật... ra quyết định trái pháp luật” là chưa thực sự chặt chẽ. Bởi lẽ, bản án là sản phẩm cuối cùng của quá trình tố tụng, nhưng để có thể tác động đến quyền, nghĩa vụ của người tham gia tố tụng thì bản án phải có giá trị thi hành. Nếu mới soạn thảo mà chưa tuyên đọc hoặc chưa ban hành hay người tham gia tố tụng và cơ quan, tổ chức có liên quan chưa nhận được... thì bản án chưa phát huy hiệu lực. Vì vậy, để bảo đảm chặt chẽ về kỹ thuật lập pháp, cần chỉnh sửa câu chữ trong điều luật bằng cách không dùng từ “*ra*”. Bên cạnh đó, quy định của điều luật chưa làm rõ được trường hợp Thẩm phán, Hội thẩm ra bản án trái pháp luật theo chỉ đạo của Chánh án, Phó Chánh án thì Chánh án, Phó Chánh án phải chịu TNHS về tội gì. Nếu xem xét lãnh đạo Tòa án với vai trò người tổ chức trong đồng phạm về tội này thì vừa không nêu bật được nguyên tắc độc lập trong xét xử, vừa không phân hóa chính xác vai trò của Chánh án/Phó Chánh án bởi vai trò của lãnh đạo chủ yếu chỉ là duyệt “đường lối” giải quyết vụ án. Nói cách khác, nhiều trường hợp Chánh án, Phó Chánh án chỉ là người chỉ đạo, không

trực tiếp giải quyết vụ án nên hành vi chỉ cấu thành tội lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ hoặc tội ép buộc người có thẩm quyền trong hoạt động tư pháp làm trái pháp luật.

Từ những phân tích trên, kiến nghị sửa cách mô tả hành vi khách quan trong cấu thành tội phạm từ “*mà ra bản án trái pháp luật, ra quyết định trái pháp luật*” thành “*mà tuyên án trái pháp luật, ban hành quyết định trái pháp luật*”, đồng thời nghiên cứu sửa đổi tên điều luật cho phù hợp với nội dung. Bên cạnh đó, cần hướng dẫn trường hợp Thẩm phán, Hội thẩm ra bản án trái pháp luật theo chỉ đạo của Chánh án, Phó Chánh án thì Thẩm phán và Hội thẩm vẫn phải chịu TNHS về tội “Ra bản án trái pháp luật”, còn Chánh án, Phó Chánh án tùy từng trường hợp cụ thể mà phải chịu TNHS về tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ” hoặc tội “Ép buộc người có thẩm quyền trong hoạt động tư pháp làm trái pháp luật”.

Thứ tư, tình tiết “người bị ép buộc” quy định tại Điều 372 BLHS năm 2015 về tội “Ép buộc người có thẩm quyền trong hoạt động tư pháp làm trái pháp luật” chưa được hướng dẫn cụ thể sẽ dễ dẫn đến nhầm lẫn. Cần làm rõ người bị ép buộc trong tội này phải có sự lo lắng, sợ hãi, miễn cưỡng trong việc thực hiện theo yêu cầu, các trường hợp người có thẩm quyền do cả nể mà chấp nhận làm theo yêu cầu thì hành vi của bên yêu cầu không cấu thành tội này.

Vì vậy, cần kiến nghị các cơ quan có thẩm quyền cần ban hành hướng dẫn cụ thể tình tiết “người bị ép buộc” phải là người mà nếu không phục tùng người có hành vi ép buộc thì sẽ bị trừ dập, bị mất quyền và lợi ích (kể cả lợi ích hợp pháp và không hợp pháp) như: Bị điều chuyển công tác không theo nguyện vọng, bị xử lý kỷ luật do đã thực hiện hành vi vi phạm, bị xử lý hình thức kỷ luật nặng hơn so với lỗi vi phạm, không được đề bạt, bị phân công

những việc khó khăn hoặc mất các lợi ích vật chất, tinh thần khác...

Thứ năm, quy định đối tượng tác động của Điều 376 BLHS năm 2015 về tội “Thiếu trách nhiệm để người bị bắt, người bị tạm giữ, tạm giam, người đang chấp hành án phạt tù trốn” chưa thực sự đầy đủ, không đáp ứng yêu cầu của thực tiễn. Phân tích quy định hiện hành, có thể thấy đối tượng tác động của tội phạm này chỉ có thể là người bị bắt, người bị tạm giữ, tạm giam, người đang chấp hành án phạt tù. Tuy nhiên, thực tế còn những người khác trên đường áp giải đã bỏ trốn và gây ra những hậu quả rất nghiêm trọng nhưng chưa có chế tài xử lý triệt để nếu người có trách nhiệm quản lý thiếu trách nhiệm. Ví dụ, bị cáo bị áp dụng biện pháp áp giải đến phiên tòa và chủ tọa phiên tòa giao cho cảnh sát tư pháp canh giữ mà họ bỏ trốn; hay người làm chứng, bị can, bị cáo trong vụ án hình sự được tại ngoại trên đường áp giải do người có nhiệm vụ áp giải thiếu trách nhiệm để những người này bỏ trốn... Hậu quả của việc thiếu trách nhiệm này rất nghiêm trọng như dẫn đến vụ án bị đình chỉ, bỏ lọt tội phạm, người bỏ trốn trả thù người có thẩm quyền tiến hành tố tụng, tiếp tục phạm tội... Tuy nhiên, đối chiếu với quy định của Điều 376 BLHS năm 2015 nêu trên thì hành vi trên không cấu thành tội phạm này, cũng không cấu thành tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng” quy định tại Điều 360 BLHS năm 2015, bởi tội này chỉ cấu thành khi hành vi thiếu trách nhiệm gây hậu quả làm chết người, gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác...; gây thiệt hại về tài sản từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng. Trong khi đó, một phiên tòa bị hoãn để thiệt hại đến mức 100.000.000 đồng là tương đối hiếm.

Do đó, tác giả đề xuất bổ sung các trường hợp sau làm đối tượng điều chỉnh của Điều 376 BLHS năm 2015: Thiếu trách nhiệm với bị can, bị cáo tại ngoại bị áp

dụng biện pháp áp giải hoặc cố tình vắng mặt theo giấy triệu tập dẫn đến những hậu quả vụ án bị đình chỉ, bỏ lọt, người bỏ trốn trả thù người có thẩm quyền tiến hành tố tụng, tiếp tục phạm tội...

Thứ sáu, Điều 377 BLHS năm 2015 về tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn bắt, giữ, giam người trái pháp luật” không quy định dấu hiệu “mà không thuộc trường hợp quy định tại Điều 157 Bộ luật Hình sự” là một thiếu sót về kỹ thuật lập pháp. Chủ thể của tội phạm này là chủ thể đặc biệt, chủ thể của Điều 157 (tội Bắt, giữ hoặc giam người trái pháp luật) là chủ thể thường dù cũng có tình tiết lợi dụng chức vụ, quyền hạn (không phải trong hoạt động tư pháp) quy định là dấu hiệu định khung hình phạt. Trong khi Điều 157 quy định “mà không thuộc trường hợp quy định tại Điều 377 Bộ luật Hình sự” thì Điều 377 lại không quy định “mà không thuộc trường hợp quy định tại Điều 157 Bộ luật Hình sự”.

Bởi vậy, cần bổ sung nội dung “*mà không thuộc trường hợp quy định tại Điều 157 Bộ luật Hình sự*” vào dấu hiệu định tội tại khoản 1 Điều 377 BLHS năm 2015 về tội lợi dụng chức vụ, quyền hạn bắt, giữ, giam người trái pháp luật.

Thứ bảy, tình tiết định tội “cố ý không ra quyết định thi hành án hoặc không thi hành quyết định thi hành bản án, quyết định của Tòa án” quy định tại Điều 379 BLHS năm 2015 về tội “Không thi hành án” là chưa rõ ràng. Theo đó, khoản 1 Điều luật này quy định: “*Người nào có thẩm quyền mà cố ý không ra quyết định thi hành án hoặc không thi hành quyết định thi hành bản án, quyết định của Tòa án thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt...*”. Trên thực tế, có nhiều bản án hoặc quyết định của tòa án tuyên không rõ ràng, thậm chí không đúng pháp luật. Khi cơ quan thi hành án nhận được các bản án hoặc các quyết định này đã yêu cầu tòa án xét xử hoặc người ra quyết định đó giải thích nhưng vì nhiều lý do nên cơ quan thi hành án không nhận

được công văn giải thích, dẫn đến việc thi hành án chưa được thực hiện. Vì vậy, nếu truy cứu TNHS người có trách nhiệm thi hành án trong trường hợp này là không thực sự hợp lý. Bên cạnh đó, nếu người phải thi hành án lấy lý do “vụ án đang đề nghị cấp giám đốc thẩm xem xét” nên đề nghị người có thẩm quyền tạm dừng việc thi hành án lại chưa thống nhất được có nên truy cứu TNHS người có thẩm quyền đó hay không, dẫn đến nguy cơ có thể bỏ lọt tội phạm. Điều này đòi hỏi cần có hướng dẫn cho các cơ quan tố tụng trong quá trình áp dụng.

Do đó, tác giả đề xuất việc ban hành hướng dẫn tình tiết định tội “cố ý không ra quyết định thi hành án hoặc không thi hành quyết định thi hành bản án, quyết định của Tòa án” quy định tại Điều 379 BLHS năm 2015 như sau:

- Khi cơ quan thi hành án nhận được các bản án hoặc các quyết định này đã yêu cầu tòa án xét xử hoặc người ra quyết định đó giải thích nhưng vì nhiều lý do nên cơ quan thi hành án không nhận được công văn giải thích mà việc thi hành án chưa được thực hiện gây ra những hậu quả quy định tại khoản 1 Điều 379 thì hành vi không cấu thành tội phạm.

- Nếu người phải thi hành án lấy lý do “vụ án đang đề nghị cấp giám đốc thẩm xem xét” nên đề nghị người có thẩm quyền tạm dừng gây ra những hậu quả quy định tại khoản 1 Điều 379 thì hành vi cấu thành tội phạm. Bởi chỉ khi có quyết định kháng nghị giám đốc thẩm hoặc tái thẩm của người có thẩm quyền quyết định tạm đình chỉ việc thi hành án thì việc tạm đình chỉ thi hành án của cơ quan thi hành án hoặc người có thẩm quyền mới đúng pháp luật.

Thứ tám, chủ thể của Điều 381 BLHS năm 2015 về tội “Cản trở thi hành án” là chủ thể đặc biệt, người thực hành chỉ có thể là những người có chức vụ, quyền hạn. Tuy nhiên, tên điều luật “Cản trở thi hành

án” chưa thể hiện rõ điều này và dễ gây nhầm lẫn rằng các chủ thể không có chức vụ, quyền hạn cản trở thi hành án thì cũng phạm tội này. Về mặt diễn đạt, điều luật cũng không thể hiện được rõ nếu không phải là người có chức vụ, quyền hạn mà có hành vi cản trở việc thi hành án thì tùy trường hợp sẽ chỉ bị truy cứu TNHS về tội không chấp hành án (Điều 380 BLHS) hoặc tội chống người thi hành công vụ (Điều 330 BLHS). Hơn nữa, quy định “*Người nào lợi dụng chức vụ, quyền hạn cố ý cản trở việc thi hành án thuộc một trong các trường hợp sau đây...*” có nội hàm không rõ ràng, khó áp dụng trên thực tiễn bởi trên thực tế, người có hành vi cản trở sẽ tận dụng quyền lực và mọi thủ đoạn để đạt được mục đích của mình, trong đó không chỉ tác động đến người có thẩm quyền ra quyết định hoặc thẩm quyền thi hành án mà họ có thể lựa chọn cả người chấp hành án để tác động, gây cản trở.

Do đó, cần sớm có hướng dẫn cụ thể về các dạng hành vi cản trở thi hành án để tránh bỏ sót trong quá trình áp dụng. Nhóm tác giả đề xuất việc đổi tên Điều 381 (Cản trở thi hành án) thành tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn cản trở thi hành án”. Đồng thời, các cơ quan chức năng cần ban hành hướng dẫn hành vi cản trở thi hành án quy định tại Điều 381 có thể được thực hiện bằng các thủ đoạn khác nhau để tác động đến người có thẩm quyền ra quyết định thi hành án, người có thẩm quyền thi hành quyết định thi hành án hoặc tác động đến người phải chấp hành án làm cho việc thi hành án không được thực hiện.

Thứ chín, về chủ thể của tội “Từ chối khai báo, từ chối kết luận giám định, định giá tài sản hoặc từ chối cung cấp tài liệu” (Điều 383 BLHS năm 2015). Khoản 1 Điều này quy định: “*Người làm chứng nếu không thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 19 của Bộ luật này, người giám định, người định giá tài sản, người dịch thuật từ chối khai báo, trốn tránh việc kết luận giám định, định giá tài*

sản hoặc từ chối cung cấp tài liệu mà không có lý do chính đáng...". Có thể thấy, thực tế có nhiều vụ án mà bị hại từ chối giám định, gây khó khăn cho cơ quan tiến hành tố tụng khi phải xem xét TNHS đối với người bị buộc tội, bị can, bị cáo (đặc biệt trong những tội mà kết luận giám định thương tật của bị hại có ý nghĩa quyết định trong việc buộc tội) nhưng điều luật chưa điều chỉnh đối với hành vi này. Mặt khác, Điều luật hiện tại quy định chủ thể của tội phạm có người dịch thuật nhưng lại không đề cập đến người phiên dịch cho người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, vụ việc, các đương sự trong vụ án dân sự, kinh tế, hành chính, lao động nếu có hành vi từ chối khai báo hoặc từ chối cung cấp tài liệu. Các chủ thể này khi có hành vi từ chối khai báo, từ chối cung cấp tài liệu cũng gây nguy hiểm lớn cho xã hội. Do đó, cần bổ sung các đối tượng này trở thành chủ thể của tội phạm tại Điều 383.

Đồng thời, quy định hiện hành chưa phân biệt rõ ràng giữa tội "Từ chối khai báo, từ chối kết luận giám định, định giá tài sản hoặc từ chối cung cấp tài liệu" với tội "Che giấu tội phạm" (Điều 389). Cả hai tội danh này đều xâm hại một khách thể chung, do đó nếu hành vi thỏa mãn yếu tố đặc trưng của tội phạm nào thì phải định tội danh theo tội đó. Trong đó, nếu tài liệu mà người phạm tội từ chối cung cấp là vật chứng của vụ án mà các tài liệu đó là các dấu vết, vật chứng của tội phạm với mục đích cản trở việc phát hiện, xử lý tội phạm thì hành vi này thỏa mãn tội "che giấu tội phạm"; nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 389 BLHS năm 2015 thì người có hành vi từ chối cung cấp đó mới bị truy cứu TNHS về tội từ chối cung cấp tài liệu.

Từ phân tích trên, tác giả kiến nghị: Một là, bổ sung các đối tượng sau vào chủ thể của tội từ chối khai báo: Người phiên dịch cho người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, vụ việc, các đương sự trong vụ án dân sự, kinh tế, hành

chính, lao động. Hai là, bổ sung vào tình tiết định tội của Điều 383 tội "Từ chối khai báo, từ chối kết luận giám định, định giá tài sản hoặc từ chối cung cấp tài liệu" dấu hiệu "mà không thuộc trường hợp quy định tại Điều 389 BLHS..."

Thứ mười, hành vi mua chuộc hoặc cưỡng ép người khác quy định tại Điều 384 BLHS năm 2015 về tội "Mua chuộc hoặc cưỡng ép người khác trong việc khai báo, cung cấp tài liệu" chưa phân biệt được với hành vi bức cung, dùng nhục hình quy định tại Điều 373, 374 BLHS năm 2015. Chủ thể của tội Bức cung, dùng nhục hình là những người có trách nhiệm trong việc tiến hành lấy lời khai, hỏi cung người tham gia tố tụng. Những chủ thể này nếu có hành vi mua chuộc, cưỡng ép để người bị thẩm vấn khai báo hoặc khai theo ý chí chủ quan của mình thì hành vi thỏa mãn Điều 373, 374. Vì vậy, trong cấu thành tội phạm cơ bản của Điều 384 cần thể hiện rõ nội dung này. Mặt khác, hành vi cưỡng ép người khác trong việc khai báo, cung cấp tài liệu là dấu hiệu đã được mô tả trong cấu thành tội phạm cơ bản của Điều 384, tuy nhiên lại tiếp tục quy định hành vi dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực hoặc dùng các thủ đoạn nguy hiểm khác là dấu hiệu định khung hình phạt quy định tại khoản 2 của Điều luật là không cần thiết, vi phạm nguyên tắc hành vi đã sử dụng để định tội thì không sử dụng để định khung hình phạt.

Tác giả cho rằng, cần quy định thêm trong cấu thành tội phạm của Điều 384 BLHS năm 2015 dấu hiệu "mà không thuộc trường hợp quy định tại Điều 373, 374 Bộ luật Hình sự" và bỏ tình tiết định khung "dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực hoặc dùng các thủ đoạn nguy hiểm khác" tại khoản 2.

Thứ mười một, quy định tại Điều 386 BLHS năm 2015 về tội "Trốn khỏi nơi giam, giữ hoặc trốn khi đang bị áp giải, đang bị xét xử"; Điều 387 về tội "Đánh tháo người bị bắt, bị tạm giữ, tạm giam, người đang bị áp giải, xét xử, chấp hành án phạt tù"; điểm

a khoản 1 (chống lại mệnh lệnh của người có thẩm quyền) tại Điều 388 tội “Vi phạm quy định về giam giữ” gây chông chéo, dễ nhầm lẫn với quy định của tội “Chống người thi hành công vụ” (Điều 330). Cụ thể, hành vi dùng vũ lực đối với người canh gác, áp giải; đánh tháo người bị bắt, bị tạm giữ, tạm giam...; chống lại mệnh lệnh của người có thẩm quyền về bản chất là hành vi chống người thi hành công vụ, nhưng người thực hiện hành vi lại là người trốn khỏi nơi giam, giữ hoặc trốn khi đang bị áp giải, đang bị xét xử (xâm hại tới hoạt động đúng đắn của cơ quan tư pháp), nên người phạm tội không bị truy cứu TNHS về tội chống người thi hành công vụ mà chỉ bị truy cứu TNHS về tội trốn khỏi nơi giam, giữ hoặc trốn khi đang bị dẫn giải, đang bị xét xử.

Do đó, để bảo đảm logic, thuận lợi trong áp dụng, tránh nhầm lẫn, cần bổ sung nội dung “...*mà không thuộc trường hợp tại Điều 330 Bộ luật Hình sự*” vào cấu thành tội phạm cơ bản của các điều 386, 387, 388.

Thứ mười hai, quy định của Điều 385 BLHS năm 2015 về tội “Vi phạm việc niêm phong, kê biên tài sản, phong tỏa tài khoản” chưa làm rõ được trong trường hợp thêm, bớt, sửa đổi, đánh tráo, hủy, làm hư hỏng vật chứng của vụ án nhằm làm sai lệch hồ sơ vụ án thì truy cứu TNHS về tội này hay tội “Làm sai lệch hồ sơ vụ án, vụ việc” quy định tại Điều 375 BLHS năm 2015. Bản chất của hành vi thêm, bớt, sửa đổi, đánh tráo, hủy, làm hư hỏng vật chứng là làm sai lệch hồ sơ vụ án, vì vậy cần có hướng dẫn cụ thể. Cần ban hành hướng dẫn “trường hợp thêm, bớt, sửa đổi, đánh tráo, hủy, làm hư hỏng vật chứng của vụ án nhằm làm sai lệch hồ sơ vụ án” thì truy cứu TNHS về tội “Làm sai lệch hồ sơ vụ án, vụ việc” tại Điều 375 BLHS năm 2015.

Thứ mười ba, hành vi “Không có trách nhiệm mà đưa vào, tàng trữ, sử dụng thiết bị thông tin liên lạc cá nhân hoặc phương tiện ghi âm, ghi hình trong cơ sở giam

giữ” quy định tại điểm b khoản 1 Điều 388 BLHS năm 2015 về tội “Vi phạm quy định về giam giữ” là chưa đầy đủ, sẽ để lọt nhiều hành vi vi phạm khác mà Thông tư số 10/2020/TT-BCA ngày 06/02/2020 của Bộ Công an quy định về đồ vật cấm đưa vào cơ sở giam giữ phạm nhân như các loại thuốc chữa bệnh, thuốc phòng bệnh, thực phẩm chức năng, rượu, bia và các chất kích thích khác, các đồ vật bằng kim loại, đồ làm bằng sành sứ, đá, thủy tinh... mà chưa được sự đồng ý của người có thẩm quyền. Các hành vi này nếu được thực hiện có thể gây ra hậu quả nghiêm trọng như người bị giam, giữ tự sát, bị say, bỏ trốn... Do đó, cần bổ sung vào điểm b khoản 1 Điều 388 BLHS năm 2015 nội dung “*theo quy định của cơ quan có thẩm quyền*” để bao quát đầy đủ về hành vi trên và sửa thành “*đưa vào, tàng trữ, sử dụng thiết bị thông tin liên lạc cá nhân, phương tiện ghi âm, ghi hình hoặc các đồ vật, tài liệu khác khi chưa được sự đồng ý của người có thẩm quyền trong cơ sở giam giữ*”.

Thứ mười bốn, BLHS năm 2015 mới quy định hành vi “đánh tháo” mà chưa quy định hành vi “đánh tráo” (đổi người) tại khoản 1 Điều 119 và Điều 387 là một thiếu sót. Về bản chất, đây là hai hành vi khác nhau nhưng có tính nguy hiểm như nhau và đều xâm phạm tới sự đúng đắn của hoạt động tố tụng.

Do đó, nhóm tác giả đề nghị bổ sung thêm hành vi “đánh tráo người bị bắt, bị tạm giữ, tạm giam, đang bị áp giải, đang bị xét xử hoặc đang chấp hành án phạt tù” vào cấu thành cơ bản. Trong khi BLHS năm 2015 chưa quy định hành vi “đánh tráo” là hành vi phạm tội thì cần hướng dẫn hành vi “đánh tráo” là thủ đoạn gian dối để đánh tháo người bị bắt, bị tạm giữ, tạm giam, đang bị áp giải, đang bị xét xử hoặc đang chấp hành án phạt tù./.